TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 8 - 2019
V/v tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Tuấn.
Bà Lê Thị Hồng Vân.
- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Duy Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Đăng Bằng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, về việc "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1946. Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2019, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H đăng ký kết hôn năm 2003, có 02 con chung. Năm 2018 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã xin ly hôn. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ

thẩm số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn H và được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Hoàng Hồng H, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2004 và Hoàng Kim C, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2009 đến khi trưởng thành. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn H có khối tài sản chung bao gồm đất và các công trình, cây trồng trên đất tọa tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nH khi ly hôn chị chưa yêu cầu giải quyết, nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp nên chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Theo lời khai của chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn B, bà Nguyễn Thị L và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã xác định được tài sản chung và giá trị tài sản của chị Đào Thị H và anh Hoàng Văn H gồm có:

1. Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 đất rừng, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp đất đường đi, cạnh dài 7,86m + 4,89m + 11m + 64m + 11,75m + 2,86m + 8,39m + 11,71m + 28,6m + 10, 52m + 20,36m; phía Nam giáp thửa đất số 06, cạnh dài 16,71m + 13m ; phía Đông giáp đất hộ ông Nguyễn Văn S, cạnh dài 10m + 24,4m+ 22,02m+ 30,95m; phía Tây giáp thửa đất số 04, 05, cạnh dài 33,97m + 18,03m+ 16,28m+ 13,42m + 8,54m, có trị giá đất 246.666.000 đồng. Tài sản trên đất có 1000 cây bạch đàn, đường kính gốc 05-10cm, có trị giá 24.000.000 đồng. Về nguồn gốc thửa đất rừng này là do anh chị tự khai phá, sử dụng đất để trồng cây bạch đàn từ năm 2003. Quá trình quản lý, sử dụng đất nêu trên cho đến nay anh chị sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp. Trên các thửa đất đều có tài sản cây bạch đàn của vợ chồng anh chị trồng trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Quá trình quản lý, sử dụng đất đến nay anh H đã đăng ký sử dụng đất với chính quyền xã H, còn thời gian anh H đăng ký thì chị không nhớ được, anh chị chưa được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ sau khi ly hôn năm 2018 đến nay do anh H quản lý sử dụng đất.

2. Thửa đất số 72, tờ bản đồ 67, diện tích 480,6 m^2, đất ở tại nông thôn, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp đất hộ ông Hoàng Văn H, cạnh dài 6,01m + 8,34m + 5,69m + 0,48m; phía Nam giáp đất hộ ông Hoàng Văn B, cạnh dài 15,47m; phía Đông giáp đất hộ Hoàng Văn B, cạnh dài 1,2m + 11,48m+ 8,92m + 3,0m; phía Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 9,7m + 9,57m+ 8,22m, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 886368 ngày 31 tháng 12 năm 2013 đứng tên chị và anh Hoàng Văn H, tọa tại thôn S, xã H, huyện H. Hiện anh H đang quản lý, sử dụng để ở, trị giá đất 144.180.000 đồng. Tài sản trên đất có: nhà ở cấp bốn, xây cay, diện tích sử dụng 59,76 m^2, 01 nhà bếp diện tích 9,88 m^2, 01 nhà tắm diện tích 6,84 m^2, 01 chuồng gà gồm 02 ngăn trong đó 01 ngăn diện tích 11,6 m^2 và 01 ngăn diện tích 5,28 m^2, 01 chuồng lợn xây bê tông 14,52 m^2, 01 sân lát gạch đất nung diện tích 6,6 m^2 + 3,9 m^2 + 40,15m^2, 01 sân lát vữa xi măng diện tích 54,9m^2, 01 giếng nước đường kính 1,2m sâu 7m, 01 bể nước xây gạch bê tông dày 10cm có tấm đan kích thước 1,15cm^3; 01 tường rào xây gạch bê tông rộng 10cm, cao 1,4m, dài 82,7m; 30 cây cam vinh, đường kính 5-7cm, trị giá tài sản 230.385.706 đồng.

3. Thửa đất số 74, tờ bản đồ 67, diện tích 88,3 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 75, 76, cạnh dài 7,77m + 4,68m; phía Nam giáp thửa 86, cạnh dài 12,71m; phía Đông giáp thửa 87, cạnh dài 7,19m; phía Tây giáp thửa 66, cạnh dài 6,83m, đã được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 11.037.500 đồng.

4. Thửa đất số 86, tờ bản đồ 67, diện tích 177 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 74, cạnh dài 12,71m; phía Nam giáp thửa 85 và 87, cạnh dài 4,33m + 8,85m; phía Đông giáp thửa 87, cạnh dài 12,65m; phía Tây giáp thửa 84 và 66, cạnh dài 7,82m + 2,47m + 2,38m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 10.530.000 đồng.

5. Thửa đất số 87, tờ bản đồ 67, diện tích 438,9 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 76, cạnh dài 8,38m; phía Nam giáp đường đi, cạnh dài 10,14m + 3,79m+ 7,96m; phía Đông giáp thửa 88, cạnh dài 9,46m + 10,87m +8,87m ; phía Tây giáp thửa 93 và 95, cạnh dài 8,71m + 6,18m + 2,94m+ 9,6m + 4,33m + 12,65m + 7,19m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 39.501.000 đồng.

Tài sản trên 03 thửa đất số: 74, 86, 87 gồm 200 cây bạch, đường kính gốc từ 05cm – 10cm, có tổng trị giá 4.800.000 đồng. Do 03 thửa đất này liền kề nhau do trong quá trình sử dụng chị H và anh H đã san phẳng các bờ đất ranh giới ở giữ các thửa đất vào làm thành một mặt bằng để trồng cây nên không tách bạch được tài sản cây bạch đàn trên từng thửa.

6. Thửa đất số 95, tờ bản đồ 67, diện tích 938,2 m^2, đất trồng lúa nước còn lại, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 78 và thửa số 140, cạnh dài 3,6m + 24,03m + 7,93m; phía Nam giáp thửa 140, cạnh dài 5,40m + 7,27m +8,89m + 15,87m + 9,86m; phía Đông giáp thửa 140, cạnh dài 8,72m +9,1m + 10,11m + 0, 31m ; phía Tây giáp thửa 77, cạnh dài 5,63m + 13,33m + 7,17m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 117.275.000 đồng.

7. Thửa đất số 61, tờ bản đồ 67, diện tích 630,9 m^2, đất trồng cây hàng năm khá, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C, cạnh dài 7,57m + 10,62m; phía Nam giáp thửa 72 của ông Hoàng Văn H, cạnh dài 0,48m + 5,69m + 8,34m + 6,01m; phía Đông giáp thửa 62 của ông Nguyễn Văn C, cạnh dài 27,40 m + 4,99m; phía Tây giáp đường dân sinh, cạnh dài 12,03m + 10,66m + 10,11m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 56.781.000 đồng. Tài sản trên đất có: 03 cây đu đủ; 03 cây táo; 02 cây sấu; 01 cây nho; 01 cây mít; 02 cây mác mật trong đó có 01 cây mác mật đường kính 02 – 05cm và 01 cây mác mật đường kính 05-10cm, trị giá tài sản trên đất 3.293.000 đồng.

8. Thửa đất số 68, tờ bản đồ 67, diện tích 149,6 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 69 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 4,21m + 7,07m; phía Nam giáp thửa đất 80 của Hoàng Văn H, cạnh dài 10,62m

+ 7,29m; phía Đông giáp thửa 70 của ông Nguyễn Văn C, cạnh dài 5,16m + 3,0m; phía Tây giáp thửa 58 và 67 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 6,31m + 3,33m + 2,33m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 13.464.000 đồng.

9. Thửa đất số 80, tờ bản đồ 67, diện tích 629,5 m^2, đất trồng lúa nước còn lại, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 68 của Hoàng Văn H, cạnh dài 7,29m + 10,62m; phía Nam giáp thửa đất 90 của Hoàng Văn H, cạnh dài 10,89m + 5,85m + 5,92m; phía Đông giáp thửa 91 của Hoàng Văn H, cạnh dài 13,05m + 8,12m +6,86m; phía Tây giáp thửa 67 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 1,07m + 2,88m + 26,31m + 8,7m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 78.687.500 đồng.

10. Thửa đất số 90, tờ bản đồ 67, diện tích 886,6 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp bờ và thửa đất số 80, cạnh dài 5,92m + 5,82m + 10,89m; phía Nam giáp thửa đất 100, cạnh dài 5,03m + 10,85m + 14,46m + 2,93m + 2,75m + 2,63m; phía Đông giáp thửa 91, cạnh dài 1,48m + 6,36m + 6,07m + 8,7m + 5,95m; phía Tây giáp thửa 90, cạnh dài 2,39m + 4,75m + 4,94m + 4,09m + 3,06m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 110.825.000 đồng.

11. Thửa đất số 91, tờ bản đồ 67, diện tích 1.142,4 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 70 của Hoàng Văn T, cạnh dài 7,40m + 10,75m; phía Nam giáp thửa đất 100 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 7,38m + 6,75m + 6,99m; phía Đông giáp đường bê tông, cạnh dài 3,43m + 12,89m + 4,67m +11,4m + 11,33m + 6,04m; phía Tây giáp thửa 80, 90 của Hoàng Văn H, cạnh dài 5,95m + 8,7m + 6,07m + 6,36m + 1,48m + 6,86m + 8,12m + 13,05m, đã được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên hai anh chị, trị giá đất 102.816.000 đồng. Tài sản trên đất có: 06 cây mận, trong đó có 05 cây đường kính 02 – 05cm và 01 cây mác mật đường kính 05-10cm; 05 cây chanh; 05 cây nhãn; 56 cây bưởi, trị giá tài sản trên đất 25.862.000 đồng.

Về nguồn gốc 10 thửa đất số 74, 86, 87, 95, 61, 68, 80, 90, 91, 72, cùng tờ bản đố số 67 bản đồ địa chính xã H nêu trên từ năm 2003 (từ khi anh chị kết hôn) đã được bố, mẹ đẻ anh Hoàng Văn H chia cho vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, để anh chị ra ở riêng có đất đai sử dụng làm ăn sinh sống. Đến năm 2013 đã được UBND huyện H cấp trong 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị và anh Hoàng Văn H. Nguồn gốc toàn bộ các tài sản nhà ở, công trình, cây trồng trên các thửa đất nêu trên đều là tài sản chung do anh chị làm lên, trồng cây trên đất trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, chị Đào Thị H xác định toàn bộ khối tài sản chung nêu trên là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tồn tại và anh Hoàng Văn H là người đang quản lý, sử dụng.

Do quá trình giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn năm 2018 chị, anh Hoàng Văn H đều không ai yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nH từ sau khi ly hôn đến nay toàn bộ khối tài sản chung đều do anh

Hoàng Văn H đang quản lý, sử dụng. Chị phải nuôi hai con chung là Hoàng Hồng H, sinh năm 2004, hiện đang học lớp 9 Trường THCS xã H 1 và cháu thứ hai là Hoàng Thị Kim C, sinh năm 2009, hiện đang học sinh lớp 4 Trường Tiểu học xã H 1. Các cháu đang độ tuổi ăn học, trong khi đó một mình chị trực tiếp nuôi hai con không có tài sản gì để sinh sống, nuôi các con nên cuộc sống của ba mẹ con chị gặp nhiều khó khăn, anh H không hỗ trợ chị về tài sản hay vật chất gì, nhà ở và tài sản khác anh Hoàng Văn H đều đang quản lý, sử dụng hết. Trong khi đó từ sau khi ly hôn đến nay chị và 02 con phải về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn, xã H, huyện H. Gia đình ông bà ngoại ngoài ba mẹ con chị về ở nhờ còn có gia đình em trai là Đào Văn N ở chung nên rất khó cho ba mẹ con chị ổn định nơi ăn chốn ở. Nay chị Đào Thị H yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung cho chị và anh Hoàng Văn H bằng hiện vật, cụ thể: Chị Đào Thị H yêu cầu được quyền sở hữu tài sản là toàn bộ 1000 cây bạch đàn trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 (đất rừng) và yêu cầu được sử dụng các thửa đất số 68, 80, 90, 91 và sở hữu các tài sản, cây trồng trên thửa đất số 91. Để anh Hoàng Văn H được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản gồm thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2; thửa đất số 72, tờ bản đồ 67, diện tích 480,6 m^2 và sở hữu toàn bộ nhà ở, công trình, cây trồng trên đất; 03 thửa đất gồm các thửa: thửa 74, tờ bản đồ 67, diện tích 88,3 m^2; thửa 86, tờ bản đồ 67, diện tích 177 m^2; thửa 87, tờ bản đồ 67, diện tích 438,9 m^2 và sở hữu tài sản này 200 cây bạch đàn trên 03 thửa đất; thửa đất số 95, tờ bản đồ 67, diện tích 938,2 m^2; thửa đất số 61, tờ bản đồ 67, diện tích 630,9 m^2 và sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất. Trường hợp anh Hoàng Văn H được quản lý, sử dụng, sở hữu phần tài sản có giá trị lớn hơn của chị thì chị cũng không yêu cầu anh Hoàng Văn H phải trả tiền chênh lệch trị giá tài sản chung của phần giá trị tài sản vượt đó cho chị. Ngoài ra, chị Đào Thị H không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Quá trình chung sống anh và chị Đào Thị H có các tài sản chung gồm 01 mảnh đất rừng khoảng 0,7 ha, trên đất có khoảng 1000 cây bạch đàn do vợ chồng anh trồng, đã khai thác được 01 chu kỳ, hiện nay trên đất còn khoảng 1000 cây chồi bạch đàn khoảng 4 năm tuổi; 01 mảnh đất rừng, trên đất có khoảng 200 cây keo, không rõ diện tích. Về nguồn gốc hai mảnh đất rừng do bố mẹ đẻ anh là ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị L tự khai phá từ trước năm 1980. Đến năm 2003 bố mẹ anh cho hai vợ chồng anh sử dụng để trồng cây bạch đàn, keo. Lúc cho bằng miệng vì là con cái đang chung sống hạnh phúc. Trước năm 2003 bố mẹ anh đã kê khai hai mảnh đất trên tên bố mẹ anh với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, từ đó đến nay bố mẹ anh và hai vợ chồng anh chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về tài sản cây trồng trên hai thửa đất này là tài sản chung của anh và chị H. Ngoài ra, anh chị có 01 mảnh đất ở, diện tích 400 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng anh và tài sản trên đất có 01 ngôi nhà chính 03 gian, xây cay, diện tích khoảng 30 m^2, 01 nhà trái không rõ diện tích, 01 nhà bếp không rõ diện tích, công trình phụ gồm nhà tắm, nhà vệ sinh, chuồng lợn, chồng gà, tường bao xung quanh khu vực nhà đất, tài sản vật dụng trong nhà gồm có 01 ti vi, 01 bộ karaoke, 03 giường, 01 tủ lạnh, 01 tủ quần áo, 01 tủ thờ, 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Yamaha; 03 thửa đất trồng cây hằng năm khác gồm các thửa số 61, 68, 91, cùng tờ bản đồ

67 và 02 thửa đất trồng lúa nước còn lại gồm các thửa số 80, 90 cùng tờ bản đồ 67 đã được cấp cùng trong một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894446 ngày 02/12/2013 đứng tên hai vợ chồng anh; 03 thửa đất trồng cây hằng năm khác gồm các thửa số 74, 86, 87, và 01 thửa đất trồng lúa nước còn lại thửa số 95, cùng tờ bản đồ 67 đã được cấp cùng trong một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894447 ngày 02/12/2013 đứng tên hai vợ chồng anh. Toàn bộ tài sản trên tọa tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, hiện do anh đang quản lý, sử dụng. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị L trình bày: Về nguồn gốc đất và tài sản trên đất chị H, anh H đang yêu chia tài sản do ông bà chia cho anh chị từ năm 2003 để sử dụng. Nay chị H, anh H yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, ông bà đều không có yêu cầu gì, yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chị Đào Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.395.000 đồng và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND huyện H, UBND huyện H cho biết nguồn gốc 10 thửa đất số 74, 86, 87, 95, 61, 68, 80, 90, 91, 72, cùng tờ bản đố số 67 bản đồ địa chính xã H, tọa tại thôn Suối Ngang I, xã H, đã được UBND huyện cấp trong 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các số sổ BR 886368 ngày 31/12/2013; số sổ 8894447 ngày 02/12/2013 và số sổ BR 8894448 ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H. Trình tự, thủ tục cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh chị H H đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 bản đồ địa chính xã H, diện tích 5.034 m^2 đất rừng, tọa tại thôn S, xã H, huyện H, đã được UBND tỉnh Lạng Sơn thu hồi theo Quyết định số 1460/QĐ-UBNĐ ngày 02/8/2018 về việc thu hồi đất Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đông Bắc giao lại cho UBND huyện H quản lý, chưa xem xét việc có giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H, anh H, trước mắt vẫn giữ nguyên hiện trạng sử dụng.

Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, Trưởng thôn S, xã H, huyện H về nguồn gốc đất, tài sản trên đất tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã H và ông Nông Văn S - Trưởng thôn S, xã H cho biết về các thửa đất, tài sản trên các thửa đất tranh chấp tọa tại thôn Suối Ngang I, xã H huyện H, tỉnh Lạng Sơn, chị H đang yêu cầu Tòa án chia là tài sản chung của chị H và anh H, không có ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh chị H H năm 2013, riêng thửa đất rừng số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 anh chị H, anh H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế do anh chị sử dụng đất, trồng cây trên đất từ năm 2003 đến nay cũng không ai tranh chấp

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về yêu cầu chia tài sản chung của chị Đào Thị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia đôi tài sản hiện nay, đảm bảo quyền lợi hai bên đương sự theo nhu cầu sử dụng. Chia chị Đào Thị H được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất số 68, 80, 90, 91 cùng toàn bộ tài sản trên đất và sở hữu 1000 cây bạch đàn trên thửa đất số 03. Chia cho anh Hoàng Văn H được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất còn lại cùng toàn bộ tài sản trên đất. Tạm giao cho anh Hoàng Văn H sử dụng thửa đất số 03. Anh Hoàng Văn H không phải thanh toán tiền giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Đào Thị H vì chị Đào Thị H không yêu cầu. Về chi phí tố tụng do chị Đào Thị H tự nguyện chịu nên không đề nghị xem xét. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về thủ tục tiến hành định giá tài sản cần thực hiện đúng quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không lí do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị L vắng mặt, nH đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về chia tài sản chung: Năm 2003 chị Đào Thị H và anh Hoàng Văn H anh chị kết hôn, chung sống với nhau từ đó, quá trình chung sống anh chị đều thừa nhận có các tài sản chung có yêu cầu chia gồm các thửa đất số 74, 86, 87, 95, 61, 68, 80, 90, 91, 72, cùng tờ bản đố số 67 (bản đồ địa chính xã H) và các tài sản trên đất, tọa tại thôn S, xã H, huyện H, đã được UBND huyện H cấp trong 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các số sổ BR 886368 ngày 31/12/2013; số sổ 8894447 ngày 02/12/2013 và số sổ BR 8894448 ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H. Ngoài ra, quá trình chung sống chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H còn thực tế sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 đất rừng, tuy nguồn gốc thửa đất số 03 là đất của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đồng Bắc nH thực tế từ năm 2003 đến nay Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đồng Bắc không sử dụng, đất này đã được UBND tỉnh Lạng Sơn thu hồi theo Quyết định số 1460/QĐ-UBNĐ ngày 02/8/2018 về việc thu hồi đất Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đồng Bắc giao lại cho UBND huyện H quản lý, đến nay anh chị chưa được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, song hiện trạng sử dụng từ năm 2003 đến nay đều do chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H thực tế sử dụng không ai tranh chấp, trên đất có 1000 cây bạch đàn là tài sản chung do chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H trồng. Qua xác minh hiện trạng sử dụng thửa đất số 03 và theo bản đồ địa chính tại địa phương xã H thể hiện thửa đất 03 nêu trên do anh Hoàng Văn H đăng ký sử dụng đất để trồng bạch đàn trên đất từ năm 2003, không phải do ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị L bố mẹ đẻ anh Hoàng Văn H tự khai phá như anh Hoàng Văn H trình bày nên có căn cứ xác định 1000 cây bạch đàn trên thửa đất 03 là tài sản chung của chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định khối tài sản nêu trên là tài sản

chung của chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H trong thời kỳ hôn nhân. Xem xét công sức đóng góp của chị Đào Thị H, hoàn cảnh hiện nay chị Đào Thị H đang phải nuôi hai con chung ở độ tuổi ăn học sau ly hôn, chị và các con không có đất làm nhà ở riêng mà đang phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, trong khi gia đình bên ngoại chị ngoài 03 mẹ con còn có bố mẹ chị và gia đình người em trai cùng chung sống ở đó, thấy rằng ba mẹ con chị Đào Thị H gặp nhiều khó khăn hơn anh Hoàng Văn H sau ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị Đào Thị H, để đảm bảo quyền lợi cho chị và hai con có điều kiện tạo lập nơi ở mới. Hội đồng xét xử chia cho chị Đào Thị H được quyền sử dụng các thửa đất số 68, 80, 90, 91 và sở hữu toàn bộ tài sản cây trồng trên thửa đất số 91, sở hữu 1000 cây bạch đàn trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 đất rừng, tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 355.654.500 đồng. Chia cho anh Hoàng Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 72 và sở hữu toàn bộ nhà ở, công trình, cây trồng trên đất; 03 thửa đất số 74, 86, 87 và sở hữu tài sản gồm 200 cây bạch đàn trên 03 thửa đất 74, 86, 87; thửa đất số 95; thửa đất số 61 và sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất; tạm giao anh Hoàng Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 đất rừng, tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 864.449.206 đồng. Anh Hoàng Văn H không phải thanh toán tiền giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Đào Thị H vì chị Đào Thị H không yêu cầu.

[3] Về chi phí tố tụng: Do chị Đào Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 4.395.000 đồng và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H cùng phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 69 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 147, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị H về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1.1. Chia cho chị Đào Thị H được quyền sử dụng, sở hữu tài sản chung tọa tại thôn S, xã H, huyện H gồm:

- 1000 cây bạch đàn, đường kính gốc 05cm - 10cm trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 (đất rừng), chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 68, tờ bản đồ 67, diện tích 149,6 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 69 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 4,21m + 7,07m; phía Nam giáp thửa đất 80 của Hoàng Văn H, cạnh dài 10,62m + 7,29m; phía Đông giáp thửa 70 của ông Nguyễn Văn C, cạnh dài 5,16m + 3,0m; phía Tây giáp thửa 58 và 67 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 6,31m + 3,33m + 2,33m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H.

- Thửa đất số 80, tờ bản đồ 67, diện tích 629,5 m^2, m đất trồng lúa nước còn lại, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 68 của Hoàng Văn H, cạnh dài 7,29m + 10,62m; phía Nam giáp thửa đất 90 của Hoàng Văn H, cạnh dài 10,89m + 5,85m + 5,92m; phía Đông giáp thửa 91 của Hoàng Văn H, cạnh dài 13,05m + 8,12m +6,86m; phía Tây giáp thửa 67 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 1,07 m + 2,88m + 26,31m + 8,7m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H.

- Thửa đất số 90, tờ bản đồ 67, diện tích 886,6 m^2 đất trồng lúa nước còn lại, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp bờ và thửa đất số 80, cạnh dài 5,92m + 5,82m + 10,89m; phía Nam giáp thửa đất 100, cạnh dài 5,03m + 10,85m + 14,46m + 2,93m + 2,75m + 2,63m; phía Đông giáp thửa 91, cạnh dài 1,48m + 6,36m + 6,07m + 8,7 m + 5,95 m; phía Tây giáp thửa 90, cạnh dài 2,39 m + 4,75m + 4,94m + 4,09m + 3,06m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H.

- Thửa đất số 91, tờ bản đồ 67, diện tích 1.142,4 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 70 của Hoàng Văn T, cạnh dài 7,40m + 10,75m; phía Nam giáp thửa đất 100 của ông Phạm Văn N, cạnh dài 7,38m + 6,75m + 6,99m; phía Đông giáp đường bê tông, cạnh dài 3,43m + 12,89m + 4,67m +11,4m + 11,33m + 6,04m; phía Tây giáp thửa 80, 90 của Hoàng Văn H, cạnh dài 5,95 m + 8,7m + 6,07m + 6,36m + 1,48m + 6,86m + 8,12m + 13,05m, đã được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H. Và sở hữu tài sản trên đất gồm 06 cây mận, trong đó có 05 cây đường kính 02 – 05cm và 01 cây mác mật đường kính 05-10cm; 05 cây chanh; 05 cây nhãn; 56 cây bưởi.

1.2. Chia cho anh Hoàng Văn H được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản tọa tại thôn S, xã H, huyện H gồm:

- Thửa đất số 72, tờ bản đồ 67, diện tích 480,6 m^2, đất ở tại nông thôn, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp đất hộ ông Hoàng Văn H, cạnh dài 6,01m + 8,34m + 5,69m + 0,48m; phía Nam giáp đất hộ ông Hoàng Văn B, cạnh dài 15,47m; phía Đông giáp đất hộ Hoàng Văn B, cạnh dài 1,2m + 11,48m+ 8,92m + 3,0m; phía Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 9,7m + 9,57m+ 8,22m, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 886368 ngày 31 tháng 12 năm 2013 đứng tên chị Đào Thị H và anh Hoàng Văn H, tọa tại thôn S, xã H, huyện H. Và sở hữu tài sản trên đất gồm 01 nhà ở cấp bốn, xây cay, diện tích sử dụng 59,76 m^2, 01 nhà bếp diện tích 9,88 m^2, 01 nhà tắm diện tích 6,84 m^2, 01 chuồng gà gồm 02 ngăn trong đó 01 ngăn diện tích 11,6 m^2 và 01 ngăn diện tích 5,28 m^2, 01 chuồng

lợn xây bê tông 14,52 m^2, 01 sân lát gạch đất nung diện tích 6,6 m^2 + 3,9 m2 + 40,15m2, 01 sân lát vữa xi măng diện tích 54,9 m2, 01 giếng nước đường kính 1,2m sâu 7m, 01 bể nước xây gạch bê tông dày 10cm có tấm đan kích thước 1,15cm^3; 01 tường rào xây gạch bê tông rộng 10cm, cao 1,4m, dài 82,7m; 30 cây cam vinh, đường kính 5-7cm;

- Thửa đất số 74, tờ bản đồ 67, diện tích 88,3 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 75, 76, cạnh dài 7,77m + 4,68m; phía Nam giáp thửa 86, cạnh dài 12,71m; phía Đông giáp thửa 87, cạnh dài 7,19m; phía Tây giáp thửa 66, cạnh dài 6,83m, đã được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H.

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ 67, diện tích 177 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 74, cạnh dài 12,71m; phía Nam giáp thửa 85 và 87, cạnh dài 4,33m + 8,85m; phía Đông giáp thửa 87, cạnh dài 12,65m; phía Tây giáp thửa 84 và 66, cạnh dài 7,82m + 2,47m + 2,38m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H.

- Thửa đất số 87, tờ bản đồ 67, diện tích 438,9 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, , có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 76, cạnh dài 8,38m; phía Nam giáp đường đi, cạnh dài 10,14m + 3,79m+ 7,96m; phía Đông giáp thửa 88, cạnh dài 9,46m + 10,87m +8,87m ; phía Tây giáp thửa 93 và 95, cạnh dài 8,71m + 6,18m + 2,94m+ 9,6m + 4,33m + 12,65m + 7,19m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên. Và sở hữu tài sản trên 03 thửa đất số 74, 86, 87 gồm 200 cây bạch đàn, đường kính gốc từ 05cm – 10cm.

- Thửa đất số 95, tờ bản đồ 67, diện tích 938,2 m^2, đất trồng lúa nước còn lại, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp thửa đất số 78 và thửa số 140, cạnh dài 3,6m + 24,03m + 7,93m; phía Nam giáp thửa 140, cạnh dài 5,40m + 7,27m +8,89m + 15,87m + 9,86m; phía Đông giáp thửa 140, cạnh dài 8,72m +9,1m + 10,11m + 0, 31m ; phía Tây giáp thửa 77, cạnh dài 5,63m + 13,33m + 7,17m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894447, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H.

- Thửa đất số 61, tờ bản đồ 67, diện tích 630,9 m^2, đất trồng cây hàng năm khác, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn C, cạnh dài 7,57m + 10,62m; phía Nam giáp thửa 72 của ông Hoàng Văn H, cạnh dài 0,48m + 5,69m + 8,34m + 6,01m; phía Đông giáp thửa 62 của ông Nguyễn Văn C, cạnh dài 27,40 m + 4,99m; phía Tây giáp đường dân sinh, cạnh dài 12,03m + 10,66m + 10,11m; được cấp cùng trong một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BR 894446, ngày 02/12/2013 đứng tên chị Đào Thị H, anh Hoàng Văn H. Và sở hữu tài sản trên đất gồm 03 cây đu đủ; 03 cây táo; 02 cây sấu; 01 cây nho; 01 cây mít; 02 cây mác mật trong đó có 01 cây mác mật đường kính 02 – 05cm và 01 cây mác mật đường kính 05-10cm.

- Tạm giao cho anh Hoàng Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.034 m^2 đất rừng, có tứ cận giáp ranh: Phía Bắc giáp đất đường

đi, cạnh dài 7,86m + 4,89m + 11m + 64m + 11,75m + 2,86m + 8,39m + 11,71m + 28,6m + 10, 52m + 20,36m; phía Nam giáp thửa đất số 06, cạnh dài 16,71m + 13m; phía Đông giáp đất hộ ông Nguyễn Văn S, cạnh dài 10m + 24,4m+ 22,02m+ 30,95m; phía Tây giáp thửa đất số 04, 05 cạnh dài 33,97m + 18,03m+ 16,28m+ 13,42m + 8,54m, đất chưa được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Anh Hoàng Văn H không phải thanh toán tiền giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Đào Thị H.

(Có trích lục bản đồ địa chính các thửa đất kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 17.782.725 đồng tiền án phí án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Đào Thị H đã nộp 1.250.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0001039, ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Chị Đào Thị H còn phải nộp 16.532.725 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Anh Hoàng Văn H phải chịu 37.933.476 đồng tiền án phí án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Huyền